



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

## TRANSLATION OF FRENCH *PASSÉ COMPOSÉ* IN *LE PETIT NICOLAS A DES ENNUIS* INTO VIETNAMESE

Vu Triet Minh\*, Nguyen Ngoc Uyen Nhi

*Ho Chi Minh City University of Education, 280 An Duong Vuong, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 10 September 2025

Revised 20 February 2026; Accepted 17 April 2026

**Abstract:** This study aims to clarify the translation of the temporal-aspectual meanings of the French *Passé composé* (PC) into Vietnamese, based on a literary corpus consisting of a short story and its Vietnamese translation. Two primary research issues are addressed: 1) the purposes of employing the PC in the story (through the pragmatic values of the PC based on the discourse characteristics of the work); 2) the linguistic means employed to render the temporal-aspectual meanings of the PC into Vietnamese (through two cases within the Vietnamese translation: situations that are marked and those that are unmarked by temporal-aspectual adverbs). The findings indicate that each type of PC is used to serve specific pragmatic goals of narrative texts. Furthermore, the study provides an in-depth analysis of the translation process and the specific challenges involved in conveying the temporal-aspectual nuances of the PC in Vietnamese.

*Keywords:* *passé composé*, tense-aspect markers, short story

---

\* Corresponding author.

Email address: [minhvt@hcmue.edu.vn](mailto:minhvt@hcmue.edu.vn)<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5619>

# NGHIÊN CỨU CÁCH CHUYỂN DỊCH THÌ *PASSÉ COMPOSÉ* TRONG CHÙM TRUYỆN NGẮN *LE PETIT NICOLAS A DES ENNUIS*

Vũ Triết Minh, Nguyễn Ngọc Uyên Nhi

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh,  
280 An Dương Vương, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận bài ngày 10 tháng 9 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 02 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 4 năm 2026

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này đặt mục làm rõ cách chuyển ngữ các ý nghĩa thời-thể của thì *Passé composé* (PC) trong tiếng Pháp sang tiếng Việt và được thực hiện trên ngữ liệu gốc là một tác phẩm văn học thuộc thể loại truyện ngắn cùng bản dịch tiếng Việt. Nghiên cứu hướng đến làm rõ: 1) mục đích của việc sử dụng thì PC trong truyện ngắn, bằng cách khảo sát các giá trị ngữ dụng của thì PC dựa trên các đặc điểm diễn ngôn của tác phẩm truyện ngắn; 2) các phương tiện dùng để chuyển ngữ các ý nghĩa thời-thể của PC qua tiếng Việt, bằng cách nghiên cứu hai trường hợp trong bản dịch tiếng Việt: sự tình được đánh dấu và không đánh dấu bằng phó từ thời-thể. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mỗi loại PC được sử dụng với mục đích ngữ dụng đặc trưng của một văn bản tự sự. Nghiên cứu cũng đi sâu phân tích quá trình chuyển ngữ cũng như các vấn đề trong chuyển ngữ các ý nghĩa thời-thể của PC qua tiếng Việt.

*Từ khóa:* *passé composé*, phó từ thời-thể, truyện ngắn

## 1. Đặt vấn đề

Mặc dù là điểm ngữ pháp cốt lõi và được nghiên cứu nhiều, việc lĩnh hội cách dùng thì *Passé composé* (PC) vẫn là thách thức lớn đối với người học tiếng Pháp tại Việt Nam, đặc biệt là sinh viên chuyên ngữ.

Thì PC, với các giá trị thể hoàn thành (*aspect accompli*) và toàn phần (*aspect global*), thường gây nhầm lẫn trong quá trình tiếp nhận và sử dụng. Sự phức tạp này không chỉ dừng lại ở bản thân hệ thống thì tiếng Pháp mà còn xuất phát từ sự khác biệt căn bản giữa hai ngôn ngữ. Tiếng Pháp là ngôn ngữ biến hình sử dụng thì động từ là phương tiện chủ yếu để diễn đạt thời-thể, trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, không có thì động từ mà chủ yếu diễn đạt thời-thể bằng các phương tiện từ vựng và ngữ cảnh. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các ý nghĩa thời-thể của thì PC và cách chuyển dịch sang tiếng Việt có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu và giảng dạy. Những nghiên cứu này giúp người học tiếng Pháp tại Việt Nam hiểu rõ hơn cách sử dụng PC nói riêng và cách diễn đạt thời-thể trong tiếng Pháp nói chung.

Vấn đề chuyển dịch ý nghĩa thời-thể của PC sang tiếng Việt cũng đã được một số nhà nghiên cứu Việt ngữ quan tâm, tiêu biểu có thể kể đến các công trình của Vũ Thị Ngân (2007) hoặc Do-Hurinville và Dao (2020). Cụ thể, Vũ Thị Ngân (2007, tr. 224-227) sau khi khảo sát và phân tích các ý nghĩa của thì PC trong các ngữ cảnh khác nhau đã đề xuất chia các ý nghĩa này thành 3 nhóm chính để phục vụ cho việc chuyển ngữ, dựa trên các bình diện thời-thể-thái, với mỗi nhóm chính lại gồm 3 nhóm nhỏ kèm các sắc thái khác. Tác giả nhấn mạnh rằng không phải bất cứ sự tình nào ở thì PC cũng có thể dịch sang tiếng Việt bằng “*đã*” hoặc “*rồi*” và rằng ngữ cảnh có vai trò quan trọng trong việc truyền tải các ý nghĩa khác nhau của PC qua tiếng Việt. Ba nhóm ý nghĩa chính của PC mà tác giả đề cập đến gồm:

**Nhóm I:** sự tình ở PC diễn đạt các hoạt động - sự kiện xảy ra trong quá khứ, mang tính ngẫu nhiên, không có tiền giả định.

**Nhóm II:** sự tình ở PC mang ý nghĩa một kinh nghiệm, trạng thái, thuộc tính hoặc một quan hệ nào đó mà chủ thể đã trải nghiệm trong quá khứ.

**Nhóm III:** là những sự tình ở PC có tiền giả định.

Do-Hurinville và Dao (2020) cũng có một công trình nghiên cứu về cách dịch các PC sang tiếng Việt dựa trên ngữ liệu là chương đầu tiên của tiểu thuyết “L’*étranger*” (Albert Camus) và bản dịch tiếng Việt. Công trình của nhóm tác giả này mang hướng tiếp cận chủ yếu định tính, thiên về miêu tả công dụng của các phó từ thời-thể được dùng trong bản dịch Việt ngữ. Cụ thể, nhóm tác giả đã đi tới hai kết luận chính: Một là, trong trường hợp PC tạo thành chuỗi sự tình, các sự tình chủ yếu sẽ được chuyển dịch qua tiếng Việt dưới dạng không đánh dấu; hai là, “*đã*”, “*rồi*” hoặc “*đã...rồi*” dùng để nhấn mạnh ý nghĩa hoàn thành của sự tình.

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Diễn đạt thời-thể trong tiếng Việt và tiếng Pháp

Tiếng Pháp, cũng như đa số các thứ tiếng thuộc ngữ hệ latin (Anh, Ý, Tây Ban Nha,...) diễn đạt ý nghĩa thời-thể bằng thì động từ, chính vì vậy mà Gosselin đã đề ra khái niệm “thời động từ” (*temporalité verbale*) mà ông định nghĩa là “phương thức diễn đạt thời gian trong ngôn ngữ và bằng ngôn ngữ”<sup>1</sup> (1996, tr. 9). Barceló và Bres (2006, tr. 10) chỉ ra rằng ý nghĩa được diễn đạt bởi thì động từ gồm hai ý nghĩa thành phần: ý nghĩa thời (*dimension temporelle*), tức là việc định vị một sự tình trên trục thời gian và ý nghĩa thể (*dimension aspectuelle*), tức cấu trúc thời gian nội tại của sự tình. Theo đó, về mặt ngữ pháp, các thì động từ khác nhau quy định những giá trị về thời và thể khác nhau.

Trong khi đó, Cao Xuân Hạo (1998, tr. 10) cho rằng tiếng Việt không diễn đạt thời nếu người nói thầy không cần thiết phải định vị một sự tình trong thời gian. Theo ông, việc xác định khung thời gian trong tiếng Việt được biểu thị thông qua trạng ngữ chỉ thời gian (*trước kia, lúc đó, trước đây, hôm ấy, ngày trước...*). Do-Hurinville (2009) và Trần Kim Phượng (2008) cũng đã chứng minh rằng trong tiếng Việt, các trạng từ chỉ thời gian giữ vai trò chính để định vị sự tình trong thời gian còn các phó từ như “*đã*”, “*đang*”, “*sẽ*” thiên về diễn đạt các giá trị về tình thái và thể hơn. Trần Thị Chung Toàn (2016, tr. 34) cho rằng việc biểu đạt các phạm trù thời và thể trong tiếng Việt tuân thủ hai nguyên tắc chính: nguyên tắc tiết kiệm và nguyên tắc ngầm hiểu. Theo đó, các chỉ từ hoặc trạng từ biểu thị thời-thể có thể được lược bỏ trong cấu trúc câu nếu như ý nghĩa thời-thể đã rõ. Việc duy trì sự hiện diện của chúng trong câu chủ yếu nhằm mục đích cụ thể hóa thông tin hoặc biểu đạt tình thái. Tóm lại, ta có thể chia thành hai trường hợp diễn đạt thời-thể trong tiếng Việt, đó là: trường hợp sự tình được đánh dấu bằng một phó từ thời-thể và trường hợp sự tình không được đánh dấu bằng phó từ thời-thể.

Nguyễn Văn Thành (1992, tr. 53) xếp các phó từ như: *đã, đang, sẽ, xong, hết, được, nói* vào nhóm hư từ và miêu tả hư từ là “những từ có nghĩa từ vựng độc lập và ý nghĩa từ vựng của chúng đồng nhất với ý nghĩa ngữ pháp, nhưng không đóng được vai trò thành phần cú pháp nào đó trong câu”. Nguyễn Minh Thuyết (1995, tr. 9) hệ thống hóa các ý nghĩa của những từ này như sau: ý nghĩa tương lai (*sắp, sẽ*), kết quả (*đã*), quá khứ xa (*trng*), quá khứ gần (*vừa, mới*), thông lệ (*zéro*), tiếp diễn (*đang*), phi tiếp diễn (*chưa*). Do-Hurinville (2009) cho rằng những từ mang ý nghĩa thời-thể này, trước khi chịu quá trình ngữ pháp hóa (*grammaticalisation*) từng là

<sup>1</sup> Chúng tôi dịch từ “le mode selon lequel le temps réel est manifesté dans et par le langage”.

những động từ mang ý nghĩa từ vựng độc lập. Các phó từ thời-thể được tác giả đề cập đến là: *đã, rồi, chưa, từng, vừa, mới* (ý nghĩa thể hoàn thành), *đang* (thể tiếp diễn), *sắp, sẽ* (thời tương lai).

## 2.2. Giá trị thời-thể và phân loại công dụng của thì PC

Nhìn chung, về mặt ngôn ngữ, đa phần các nhà nghiên cứu (Gosselin, 1996; Novakova 2001; Somé, 2019) thống nhất rằng thì PC trong tiếng Pháp có hai cấu hình thời-thể chính:

- *PC mang giá trị thể toàn phần (aspect global<sup>2</sup>) và thời quá khứ (temps passé)*: sự tình đã xảy ra trong quá khứ được tái hiện một cách trọn vẹn, đầy đủ, từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc, thường không còn mối liên hệ gì đến thời điểm phát ngôn. Ví dụ: *Marie a vécu pendant 10 ans, de 2000 à 2010 à Londres.* (Marie đã sống tại London trong vòng 10 năm, từ năm 2000 đến năm 2010.)

- *PC mang giá trị thể hoàn thành (aspect accompli) và thời hiện tại (temps présent)*: sự tình đã kết thúc được tái hiện từ tình trạng kết quả ở hiện tại của nó. Ví dụ: *Regarde! Le sol est mouillé. Il a plu.* (Nhìn kìa! Mặt đất hãy còn ướt. Trời đã mưa.)

Còn trên bình diện ngữ dụng, Apothéloz (2021) đề xuất phân biệt 4 trường hợp PC, song cũng lưu ý rằng việc phân loại rạch ròi chúng là điều khó khả thi. Các trường hợp này theo Apothéloz gồm có:

- *PC tự sự (narratif)*: Trong trường hợp này, các sự tình ở thì PC thường tạo thành một chuỗi sự kiện nối tiếp nhau, giúp câu chuyện phát triển theo thời gian. Đây là trường hợp điển hình của PC mang cấu hình thể toàn phần - thời quá khứ như đã nói ở trên. Các PC này thường xuất hiện trong dạng văn kể.

- *PC chỉ sự tình đơn lẻ (factuel simple)*: về bản chất ngôn ngữ, có cấu hình thời-thể giống như PC tự sự, nhưng không nằm trong một chuỗi sự tình mà thường xuất hiện một cách độc lập, không theo trình tự thời gian. Loại PC này chủ yếu nhằm thông báo rằng một sự tình cụ thể hoặc một lớp sự tình (gồm nhiều sự tình giống nhau) đã xảy ra, với mục đích cung cấp một thông tin (informer) mang tính “thời sự” đối với cả người nói lẫn người nghe tại thời điểm phát ngôn (Apothéloz, 2016, tr. 210, 221) hoặc đưa ra một lập luận (argumenter) nhằm chứng minh một nhận định nào đó (Apothéloz, 2021).

- *PC chỉ trải nghiệm (factuel d'expérience/parfait d'expérience)*: Theo Apothéloz và Nowakowska (2010, tr. 6), PC trong công dụng này không diễn đạt một sự tình đơn lẻ bất kì, cũng không chỉ một sự tình có tính chất lặp đi lặp lại mà nhằm xác thực sự tồn tại của một loại sự tình nói chung với ít nhất một lần xảy ra và không quan trọng số lần. Cần lưu ý rằng ý nghĩa “trải nghiệm” hay “kinh nghiệm” trong tên gọi “PC chỉ trải nghiệm” mà chúng tôi dùng trong bài báo này khác với những gì được Vũ Thị Ngân (2007) mô tả trong bài báo của mình. Theo Apothéloz (2021), loại PC này thường xuất hiện trong câu có các trạng từ chỉ tần suất (*toujours, jamais, parfois...*), số lần sự kiện xảy ra (*plus d'une fois, deux fois...*) hoặc trạng từ “*déjà*” mang nghĩa trải nghiệm. Đặc điểm của các câu này là đều có thể được diễn đạt lại bằng một cấu trúc *il est arrivé (au moins une fois) que* + mệnh đề.

- *PC chỉ kết quả (résultatif)*: thì PC dùng để chỉ một trạng thái hiện tại (état présent, état résultant) là hệ quả của một sự tình đã xảy ra trong quá khứ. Đây là trường hợp minh họa điển hình cho cấu hình thể hoàn thành - thời hiện tại. Apothéloz và Nowakowska (2010, tr. 3-6) phân biệt ba trường hợp công dụng chỉ kết quả của PC sau:

<sup>2</sup> Thuật ngữ được Novakova dùng. Một số tác giả khác thì sử dụng thuật ngữ *aoristique*.

+ Công dụng suy luận (*emploi illatif*), trong đó, người nói dùng sự tình được chia ở PC để nhấn mạnh trạng thái kết quả ở hiện tại của sự tình đó. Apothéloz (2021) gọi đây là phép “hoán dụ thời gian”, tức lấy hành động để chỉ hệ quả của hành động đó.

+ Công dụng phỏng đoán (*emploi abductif*), trong đó, người nói, sau khi đã có ý thức về một trạng thái kết quả ở hiện tại, dùng PC để kết luận về một sự tình đã xảy ra trước đó mà người nói tin là nguyên nhân dẫn tới kết quả trên.

+ Công dụng giải thích (*emploi explicatif*), trong đó, PC dùng để nêu lên một sự tình là nguyên nhân của một sự tình khác đã được nêu trong phát ngôn.

### 3. Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu

#### 3.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là miêu tả và phân tích trên ngữ liệu văn học dịch. Phương pháp này bao gồm việc thu thập một cách có hệ thống các PC trong ngữ liệu gốc tiếng Pháp và phân loại chúng theo Apothéloz (2021). Sau đó, chúng tôi thực hiện thu thập các sự tình tương đương được chuyển dịch qua tiếng Việt trong bản dịch Việt ngữ và tiến hành phân loại thành hai trường hợp; trường hợp không đánh dấu và đánh dấu bằng phó từ thời-thể. Để tránh bỏ sót ngữ liệu, việc thu thập trong bản dịch tiếng Việt có tính đến các thủ pháp dịch do Vinay và Darbelnet (1958, tr. 48-53) mô tả, trong đó đặc biệt là thủ pháp dịch nguyên tự (*traduction littérale*) và dịch tương đương (*équivalence*).

#### 3.2. Ngữ liệu

Ngữ liệu gốc tiếng Pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là tác phẩm “Le Petit Nicolas a des ennuis” của Sempé và Goscinny (Nhà xuất bản Gallimard Jeunesse, 1997) và bản dịch tiếng Việt “Nhóc Nicolas phiền muộn”, do Trác Phong dịch và được Nhã Nam cùng Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành vào năm 2010. Tác phẩm gốc tiếng Pháp dài 190 trang, được chia thành 16 chương, mỗi chương là một truyện ngắn. Phạm vi thu thập ngữ liệu gốc tiếng Pháp là tám chương đầu tiên của tác phẩm. Bản dịch Việt ngữ của dịch giả Trác Phong là bản dịch trực tiếp từ bản gốc tiếng Pháp<sup>3</sup>, đảm bảo yêu cầu của một ngữ liệu dùng để đối chiếu trong nghiên cứu này.

Việc lựa chọn ngữ liệu gốc cho nghiên cứu này dựa trên một số lý do chính. Thứ nhất, chủ đề được đề cập trong tác phẩm này là những chủ đề quen thuộc và dễ tiếp cận với đối tượng học sinh, sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giảng dạy. Thứ hai, ngữ liệu được chọn có cấu trúc diễn ngôn rõ ràng, phù hợp để phân loại các công dụng và luận giải các ý nghĩa ngữ dụng của thì PC. Ngoài ra, ngữ liệu trong bản dịch cũng khá sát với bản gốc, khiến cho việc đối sánh được thuận lợi. Các câu chuyện được kể trong tác phẩm gốc tiếng Pháp được xem là do một cậu bé học tiểu học kể lại, với lời văn đơn giản và tường minh. Người dẫn chuyện đa phần chỉ việc thuật lại những gì đã xảy ra xoay quanh nhóm bạn học và gia đình từ góc nhìn ngây thơ của một đứa trẻ rồi để người đọc tự tìm thấy và đúc kết những ý nghĩa trào phúng phía sau những câu chuyện được kể.

#### 3.3. Thu thập ngữ liệu

Việc thu thập ngữ liệu chỉ được thực hiện trên các PC trong phát ngôn trần thuật (*énoncé assertif*) và nghi vấn (*énoncé interrogatif*), không bao gồm các PC trong cấu trúc điều kiện (ví dụ: *Si tu as décidé, a demandé Maman, pourquoi me déranges-tu?*) hoặc cấu trúc mang tính phổ quát (ví dụ: *Et chaque fois qu'il se mettra à pleurer, on croira que c'est toi qui l'as embêté.*)

<sup>3</sup>[vietnamplus.vn/dich-gia-cua-hoang-tu-be-duoc-trao-huan-chuong-hiep-sy-van-hoc-phap-post518401.vnp](http://vietnamplus.vn/dich-gia-cua-hoang-tu-be-duoc-trao-huan-chuong-hiep-sy-van-hoc-phap-post518401.vnp)

do các PC này mang ý nghĩa tình thái là chủ yếu.

### Bảng 1

*Phân loại các PC được thu thập trong 8 chương đầu tiên*

Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
PC tự sự	626	89,3
PC chỉ sự tình đơn lẻ	58	8,3
PC chỉ trải nghiệm	3	0,4
PC chỉ kết quả	14	2,0
<b>Tổng</b>	<b>701</b>	<b>100</b>

Qua thống kê trên 8 chương đầu tiên của ngữ liệu tiếng Pháp, tổng cộng 701 trường hợp PC đã được thu thập (Bảng 1). Thống kê cho thấy các PC tự sự chiếm đa số, với 626 sự tình, chiếm 89,3% trên tổng số các PC thu thập được. Điều này dễ hiểu vì tác phẩm gồm những mẫu truyện ngắn với thể loại văn kể là chủ yếu, nơi các sự kiện trong quá khứ được kể lại theo trình tự thời gian tương đối rõ ràng. Các PC tự sự tạo nên “khung xương sống” cho câu chuyện, diễn đạt một chuỗi sự tình và giúp cho câu chuyện phát triển theo thời gian.

Các PC chỉ sự tình đơn lẻ chiếm số lượng nhiều thứ hai trong tổng số PC thống kê được, với 58 trường hợp (8,3%). Khác với nhóm PC tự sự, đây là những PC xuất hiện đa số trong lời thoại của nhân vật (50/58 trường hợp). Chúng dùng để thông tin về những sự tình đã diễn ra được kể một cách riêng lẻ, thường được dùng để cụ thể hóa hoặc giải thích một điều gì trước đó và nhìn chung, không nằm trong chuỗi sự tình khách quan làm nên mạch truyện vốn được kể lại bằng các PC tự sự.

Các PC chỉ trải nghiệm chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng số PC được khảo sát ở 8 chương đầu tiên, chỉ với 3 trường hợp. Điều này cũng dễ hiểu nếu xét chủ đề và tầng ngôn ngữ được sử dụng trong nguyên tác: một học sinh 10 tuổi thì chắc hẳn chưa có đủ nhiều trải nghiệm trong cuộc sống để kể lại cho độc giả.

PC chỉ kết quả cũng chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số PC thu được với chỉ 14 trường hợp (2,0%). Đây là các trường hợp PC không dùng để kể lại một chuỗi sự kiện, cũng không dùng để xác nhận về sự tồn tại của một (loại) sự tình, mà dùng để đề cập đến một trạng thái kết quả của một sự tình trước đó. Tất cả các trường hợp này hầu như chỉ xuất hiện trong câu hội thoại.

## 4. Phân tích kết quả và thảo luận

### 4.1. PC tự sự trong ngữ liệu tiếng Pháp

Đa số các PC tự sự là những sự tình được người kể chuyện (narrateur) kể lại, ở ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất (trong trường hợp này, người kể là ngôi thứ nhất). Chỉ 3/626 PC được sử dụng trong câu thoại của nhân vật<sup>4</sup>. Để minh họa cụ thể hơn, chúng tôi đã thực hiện thống kê chi tiết trên 142 PC tự sự đầu tiên (tương ứng với 2 chương đầu của tác phẩm) với kết quả như sau:

51 PC được dùng trong mệnh đề có một (cụm) từ nối hoặc trạng từ diễn đạt sự liên tục trong thời gian của các sự tình như: “et”, “et puis”, “et puis après”, “après”, “alors”. *Ví dụ:*

(1) [...] **et puis après** il m’a dit que je devrais remercier M. Moucheboume par téléphone.

<sup>4</sup> Ba PC tự sự này cùng xuất hiện trong một tình huống, đó là khi cô giáo kể lại cho lớp về chuỗi sự kiện đã xảy ra ở trường hôm trước: *Les enfants, elle nous a dit, dans la nuit, une canalisation d’eau a gelé et a crevé, ce qui a inondé notre salle de classe.*

[...] **thế rồi sau đó** bố bảo tôi rằng cần phải gọi điện thoại cho ông Moucheboume để cảm ơn.

80 PC được dùng trong mệnh đề không có từ nối hay trạng từ, các mệnh đề chỉ đơn giản là được đặt cạnh nhau bằng dấu phẩy hoặc dấu chấm. Đây là các trường hợp mà việc tái hiện lại logic thời gian của sự tình dựa vào ngữ cảnh và kiến thức phổ thông của người đọc. Đặc biệt, trong số này có đến 58 PC là những động từ dùng để thuật lại một cách trực tiếp hoặc gián tiếp lời thoại của nhân vật (*dire, demander, crier, répondre*). Mặc dù không có bất cứ phương tiện để đánh dấu một cách hiển ngôn trật tự xảy ra của các sự tình, nhưng người đọc hoàn toàn không gặp khó khăn trong việc hiểu logic thời gian này. Trong ví dụ (2) sau đây, dù không có từ nối hay trạng từ trong câu, người đọc vẫn dễ dàng nhận ra trật tự thời gian của các sự tình (a ouvert > a regardé > a fait). Các PC này thường tạo thành một chuỗi sự tình.

(2) [...] il **a ouvert** des grands yeux, il **a regardé** le papier de nouveau, il **a fait** un gros soupir...

[...] bố **trợn tròn** mắt lên, bố **xem** lại tờ giấy lần nữa, bố **thở** một cái rõ dài...

Sau đây, chúng tôi tiến hành đối chiếu các PC tự sự thu thập được với bản dịch tiếng Việt. Chúng tôi chia làm 2 trường hợp trong tiếng Việt: trường hợp sự tình không được đánh dấu bằng một phó từ thời-thể (gọi tắt là không đánh dấu) và trường hợp sự tình được đánh dấu bằng phó từ thời-thể (gọi tắt là được đánh dấu).

#### 4.1.1. Trường hợp không đánh dấu

Đối chiếu với bản dịch, trong số 626 PC tự sự mà chúng tôi thống kê được, có đến 564 trường hợp không đánh dấu khi được chuyển ngữ sang tiếng Việt, tương đương 90,1 %. Trong các ví dụ sau, các trường hợp không đánh dấu được chúng tôi ký hiệu là Ø.

(3) Hier matin, Papa m'**a réveillé**. [...] il m'**a embrassé** et il m'**a dit** que...

Sáng qua, bố tao Ø **đánh thức** tao dậy. [...] bố tao Ø **ôm hôn** tao và Ø **nói** rằng ...

(4) Il **a pris** un papier [...], il m'**a regardé**, il **a mordu** le crayon et il m'**a demandé**...

Bố Ø **lấy** một tờ giấy [...], bố Ø **nhìn** tôi, bố Ø **cắn** bút và bố Ø **hỏi** tôi...

(5) La maîtresse, j'**ai vu** qu'elle se forçait pour ne pas rigoler; [...] elle m'**a rendu** le billet, elle m'**a dit** de le mettre dans ma poche...

Cô giáo ấy à, tôi Ø **thấy** cô cố nhịn để khỏi phì cười; [...] cô giáo Ø **trả** lại tôi tờ tiền, cô Ø **bảo** tôi cất vào trong túi...

Ta có thể thấy đa số các PC tự sự được dịch sang tiếng Việt không cần được đánh dấu bằng một phó từ thời-thể, vì logic thời gian của các sự tình đã được quy định một cách rõ ràng qua trật tự xuất hiện của các sự tình đó trong câu chuyện. Labov (1972, tr. 359) định nghĩa văn tự sự (narrative) là “một hình thức kể lại trải nghiệm trong quá khứ bằng cách kể một chuỗi các mệnh đề tương ứng với chuỗi các sự kiện được xem là đã xảy ra<sup>5</sup>”, tức là thứ tự xuất hiện của các sự kiện được kể lại được quy ước cũng chính là trật tự các sự tình đó xảy ra trên thực tế. Chính vì vậy, khi đọc một truyện ngắn hay tiểu thuyết, một cách tự nhiên, người đọc sẽ hiểu câu chuyện này đã xảy ra trong quá khứ, dù cho các sự tình có thật hay không. Điều này cũng đúng với những tiểu thuyết có bối cảnh tương lai so với thời điểm sáng tác, như *1984* của George Orwell (xuất bản năm 1949). Trong nguyên tác bằng tiếng Anh cũng như trong bản dịch qua tiếng Pháp, tác giả hoặc dịch giả cũng không bao giờ dùng các thì tương lai để chỉ thời tương lai mà vẫn chia động từ ở thì Past simple (đối với tiếng Anh) hoặc Passé simple (đối với

<sup>5</sup> Chúng tôi dịch từ: “one method of recapitulating past experience by matching a verbal sequence of clauses to the sequence of events which (it is inferred) actually occurred”.

tiếng Pháp). Tương tự, trong các bản dịch Việt ngữ, người dịch cũng không cần đánh dấu các sự tình đó ở thời tương lai.

#### 4.1.2. Trường hợp đánh dấu

Bên cạnh đó, có 62 trường hợp PC tự sự khi được dịch sang tiếng Việt được đánh dấu bằng phó từ thời-thể, chiếm 9,9% số PC tự sự, với phần lớn trong số đó được đánh dấu bằng phó từ “*đã*” (Bảng 2). Bên cạnh đó, cũng có nhiều trường hợp được đánh dấu bằng các phó từ thời-thể khác như *lại*, *đang*, *vẫn*. Sau đây, chúng tôi sẽ lần lượt phân tích các trường hợp trên để tìm hiểu sự tình được đánh dấu với mục đích gì.

#### Bảng 2

*Những phó từ thời-thể được sử dụng để đánh dấu các PC tự sự*

Phó từ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
đã	49	79,0
lại	9	14,5
đang, vẫn	4	6,5
<b>Tổng</b>	<b>62</b>	<b>100</b>

#### *Trường hợp phó từ đang, vẫn:*

Trước tiên, ta hãy bàn đến 4 sự tình được đánh dấu trong bản dịch tiếng Việt bằng các phó từ “*đang*”, “*vẫn*” vốn là những phó từ cho biết sự tình được nói đến tiếp tục xảy ra ở thời điểm quy chiếu (ví dụ 6-9).

- (6) A l’hôpital, Maman a voulu que je l’embrasse, mon petit frère, et moi, bien sûr, je n’en avais pas envie, mais j’y **suis allé** quand même...  
Ở bệnh viện, mẹ tao muốn tao phải ẵm nó, thom nó, cái thằng nhãi ấy, còn tao dĩ nhiên là không thích, nhưng mà tao **vẫn phải làm**...
- (7) Et puis, quand on a **été en rang**, Alceste est arrivé en courant.  
Khi chúng tôi **đang xếp hàng** thì thằng Alceste chạy tới.
- (8) Maman a **continué à rigoler** et elle a dit...  
Mẹ **vẫn cứ cười** và mẹ nói rằng...
- (9) Et puis tous les autres types sont montés dans leurs classes et nous, nous **sommes restés seuls** dans la cour de récré.  
Thế rồi khi tất cả các bọn khác đã đi lên lớp, mỗi mình lũ chúng tôi **vẫn cứ đứng** ở dưới sân trường.

Ở ví dụ 6, ta thấy rõ “*vẫn (phải)*” không mang ý nghĩa thời-thể mà mang một ý nghĩa nhượng bộ<sup>6</sup>, tương đương với cụm “quand même” trong nguyên tác. Các ví dụ 7, 8, 9 là những sự tình trong bản gốc tiếng Pháp được kể lại ý nghĩa thể toàn phần (tạo thành chuỗi sự tình), nhưng được dịch giả dịch qua tiếng Việt với ý nghĩa thể không hoàn thành, tức là đã có một sự thay đổi về mặt ý nghĩa thể của sự tình so với bản gốc. Theo chúng tôi, sự khác biệt về ý nghĩa thể trong bản dịch có thể được giải thích là do dịch giả đã dựa vào ý nghĩa thể từ vựng (aspect lexical) của sự tình để chuyển ngữ. “*Être en rang*”, “*continuer à rigoler*”, “*rester seuls*” đều là những sự tình vô kết (procès atélique), với ý nghĩa từ vựng diễn đạt một hành động hoặc trạng thái kéo dài, không có điểm dừng, do đó dễ dàng được hình dung và diễn đạt lại bằng một sự tình không hoàn thành trong tiếng Việt. Trên thực tế, việc dịch giả tái hiện sự tình dưới một

<sup>6</sup> Hoàng Phê (2003, tr. 1105) định nghĩa là “từ biểu thị ý khẳng định về điều xảy ra, diễn ra như thường, cho dù điều kiện là không bình thường”.

góc nhìn về thể động từ khác so với bản gốc không phải là hiếm, cho thấy sự linh động và uyển chuyển của người dịch trong việc chuyển ngữ.

### **Trường hợp phó từ lại**

Các ví dụ 10, 11, 12 là các câu có sự xuất hiện của phó từ “*lại*”. Có quan điểm cho rằng “*lại*” là phó từ thời-thể chỉ “tính chất lặp, tái diễn hay tiếp nối của một hoạt động, một hiện tượng” (Hoàng Phê, 2003, tr. 537). Tuy nhiên, chúng tôi không cho rằng “*lại*” là một phó từ thời-thể thực thụ, vì theo Phan và Duffield (2018, tr. 122) “*lại*” không có vị trí cố định so với vị từ như những phó từ khác, chẳng hạn như: “*đã*”, “*đang*” hay “*sẽ*” và về mặt cú pháp, không có mối liên hệ khăng khít với vị từ như các phó từ trên. Chúng ta hoàn toàn có thể nói: (10’) *Cô giáo cảnh cáo nó lại một lần nữa...* hoặc (12’) *...chúng tôi phải đứng hết cả lên lại một lần nữa*. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng dịch giả đã dùng từ “*lại*” để diễn đạt một ý nghĩa từ vựng thuần túy không mang tính bắt buộc hoặc để nhấn mạnh ý nghĩa lặp lại của sự tình. Trong câu 10, ý nghĩa lặp lại đã được thể hiện trong cụm “*lần nữa*”, còn trong câu 11 và 12, ý nghĩa này được hiểu nhờ vào những thông tin trước đó được kể trong tác phẩm.

- (10) Le marchand **lui a dit** le prix de nouveau et Papa a dit que...  
Ông bán hàng **lại nói** giá cho bố lần nữa...
- (11) Et le Bouillon **est arrivé** avec trois chaises.  
Và thầy Nước Lèo **lại đến** cùng với ba chiếc ghế.
- (12) Et Eudes a dû se lever [...], et pour les laisser passer on **a dû** tous **se lever**.  
Và để cho bọn nó đi qua, tất cả chúng tôi **lại phải đứng** hết cả lên.

### **Trường hợp phó từ đã**

Bây giờ, ta hãy bàn đến trường hợp các PC tự sự được đánh dấu bằng phó từ thời-thể “*đã*” trong bản dịch. Theo đánh giá của chúng tôi, việc dùng phó từ “*đã*” trong các trường hợp PC tự sự được đánh dấu này không mang nhiều ý nghĩa thời-thể vì người đọc không khó để nhận ra đây là các sự tình được trình bày theo trật tự thời gian. Hơn nữa, trong đa số các trường hợp trên, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều câu có sự xuất hiện liên từ đi kèm, giúp làm rõ trật tự thời gian giữa các sự tình. Cụ thể, trên tổng số 49 trường hợp PC tự sự được đánh dấu bằng phó từ “*đã*”, có đến 40 trường hợp trong mệnh đề có một liên từ dùng để diễn đạt một hành động, sự kiện diễn ra tiếp theo trong câu chuyện (Bảng 3). Chúng tôi đã tổng hợp ý nghĩa của các liên từ này dựa theo Hoàng Phê (2003, tr. 728, 832, 934, 937, 1093, 1108). Bảng 3 cũng cho thấy liên từ “*và*” có tần suất xuất hiện nhiều nhất trong các câu được đánh dấu.

### **Bảng 3**

*Các liên từ được sử dụng trong câu có PC tự sự được đánh dấu bằng phó từ “đã”*

<b>Liên từ</b>	<b>Quan hệ logic được diễn đạt</b>	<b>Số lượng</b>
và	sự tiếp nối, kết quả	21
nhưng (mà)	sự đối lập	8
thế rồi, vậy là	sự tiếp nối	6
thế nên, thế là	kết quả	4
thì	quan hệ tiếp nối	1
<b>Tổng</b>		<b>40</b>

Theo ý kiến của chúng tôi, “*đã*” trong phần lớn các trường hợp trên không có tác dụng đánh dấu thời-thể, do logic thời gian của chuỗi sự tình đã được thể hiện rõ qua ngữ cảnh và nhờ sự có mặt của các liên từ. Theo đó, ta có thể thấy “*và*”, “*thế rồi*”, “*vậy là*”, “*thế nên*”, “*thế là*”, “*thì*” là những liên từ đều có đặc điểm chung là nêu lên một sự tình xảy ra tiếp nối những

sự tình trước đó. Còn liên từ “*nhưng (mà)*” dù diễn đạt một sự đối lập hoặc nguyên nhân nhưng hoàn toàn có thể dùng để nêu lên một sự tình mới tiếp nối mạch truyện (ví dụ 13, 14).

- (13) Mais, Papa, j’ai dit, nous n’avons que cinq tomates. Moi, je crois qu’une langouste... Mais Papa ne m’a pas **laissé finir**...  
Nhưng bố à, tôi nói, mình mới chỉ có mỗi năm quả cà chua. Con nghĩ rằng một con tôm rông... **nhưng bố đã không để** tôi nói hết...
- (14) Nous, on s’était tous retournés pour le regarder, **mais** la maîtresse **a tapé** sur son bureau avec sa règle et elle nous a dit  
Cả lũ chúng tôi quay lại để nhìn nó, **nhưng** cô giáo **đã** đập thước kẻ lên bàn và cô bảo...

Dựa vào những cứ liệu trên, chúng tôi cho là việc sử dụng phó từ “*đã*” chủ yếu có tác dụng giúp cho câu văn bớt đơn điệu và nhàm chán. Điều này có vẻ đặc biệt đúng trong những câu có nhiều liên từ “*và*” như trong ví dụ (15) và (16) sau đây, trong đó, ta thấy rõ việc sử dụng phó từ “*đã*” không hề mang tính bắt buộc, câu vẫn không thay đổi về ý nghĩa nếu ta bỏ đi các phó từ này.

- (15) Alors, Papa est monté avec moi dans ma chambre et nous nous sommes mis à chercher, et tout est tombé de l’armoire, et Maman **est arrivée** en courant et elle a demandé ce que nous étions en train de faire.  
Thế là bố cùng với tôi đi lên phòng tôi và chúng tôi bắt đầu tìm kiếm và các thứ trong tủ đều rơi cả xuống và mẹ **đã chạy tới** và mẹ hỏi chúng tôi đang làm cái gì vậy.
- (16) Joachim s’est assis tout content sur la chaise du fond, mais la maîtresse lui a dit que “non, mon petit ami, ce serait trop facile ; venez plutôt devant où je peux mieux vous surveiller”, et Eudes **a dû** se lever pour donner sa place à Joachim, et pour les laisser passer on a dû tous se lever, et la maîtresse a donné des grands coups de règle contre les tuyaux de la chaudière en criant...  
Thằng Joachim ngồi khoan khoái hết sức trên cái ghế ở cuối lớp, nhưng cô giáo bảo nó rằng “không được đâu, như thế là quá dễ dãi cho em; hãy ngồi lên trên này để tôi còn quan sát được”, và thằng Eudes **đã phải** đứng dậy nhường chỗ cho thằng Joachim, và để cho bọn nó đi qua, tất cả chúng tôi lại phải đứng hết cả lên, và cô giáo đã vừa đập thước keng keng vào những cái ống nước ở cái nồi hơi vừa quát lên...

#### 4.2. PC chỉ sự tình đơn lẻ trong ngữ liệu tiếng Pháp

PC chỉ sự tình đơn lẻ khác PC tự sự ở ý nghĩa ngữ dụng. Chúng dùng để đưa ra lập luận hoặc cung cấp những thông tin mang tính “thời sự” đối với cả người nghe lẫn người nói. Vì lí do đó mà chúng thường xuất hiện trong những câu hội thoại giữa các nhân vật (ví dụ 17). Nhưng điều đó không có nghĩa là loại PC này không xuất hiện trong lời kể của người dẫn chuyện (ví dụ 18), khi cần giải thích hoặc làm rõ một sự tình được kể.

- (17) Ça c’est bien vrai, a dit une dame; le merlan que vous m’avez **vendu** avant-hier n’était pas frais. Même le chat n’en **a pas voulu**.  
Đúng thế chứ sai đâu, một bà lên tiếng; cái con cá hết mà ông **bán** cho tôi hôm kia chẳng phải cá ôi à? Đến mèo nó cũng **chẳng thèm ăn**.
- (18) Alors, ça a été terrible! Papa s’est **mis à crier**, Maman s’est **mise à crier**, et puis **elle est partie** dans la cuisine en claquant la porte.  
Vậy là chuyện đã trở nên quá kinh khủng! Bố **bắt đầu gào lên**, mẹ **bắt đầu gào lên**, rồi mẹ **bỏ vào** trong bếp và đóng cửa cái rầm.

Trong ví dụ (17), người khách nêu lên việc con cá mà ông bán cá bán cho mình hôm nọ không được tươi và đến cả con mèo cũng không thèm ăn để thể hiện sự đồng thuận với nhận

xét rằng ông bán cá là một kẻ lừa đảo. Trong ví dụ (18), các PC “*se mettre à crier*” (2 lần), “*partir dans la cuisine en claquant la porte*” dù tạo thành một chuỗi sự tình nhưng hoàn toàn có thể được xem là lời giải thích tại sao mọi chuyện đã trở nên kinh khủng.

#### 4.2.1. Trường hợp không đánh dấu

Trong 58 trường hợp PC chỉ sự tình đơn lẻ được thống kê, quan sát trong bản dịch tiếng Việt cho thấy dạng không đánh dấu vẫn chiếm phần lớn với 42 trường hợp, tức 72,4% tổng số PC chỉ sự tình đơn lẻ. Đây là những trường hợp mà các yếu tố ngữ cảnh giữ vai trò quan trọng trong việc định vị sự tình trong thời quá khứ.

(19) Je l'**ai** pas **trouvé**, j'**ai** dit, on me l'**a** donné.

Cháu **Ø** không hề **lấy**, tôi nói, mà là người ta **Ø** cho cháu.

(20) J'**ai** **pris** le train de 15 h 47, au lieu de celui de 16 h 13, c'est pour ça. Et j'**ai** **pensé** que ça ne valait pas la peine de dépenser une communication téléphonique pour vous prévenir...

Tại vì mẹ **Ø** đi chuyến 15 giờ 47 thay vì chuyến 16 giờ 13. Với lại, mẹ **Ø** **nghĩ** cũng chẳng cần phải mất công gọi điện thoại báo lại cho các con làm gì...

Ở câu (19), khi Nicolas trả lời về nguồn gốc của số tiền lớn mà cậu đang cầm trên tay, ngữ cảnh đã đủ để người nghe hiểu những gì cậu bé đang kể phải xảy ra trước đó. Tương tự là sự tình “đi” và “nghĩ” trong câu (20) do bà Nicolas nói khi Nicolas và mẹ ngạc nhiên vì mình đến nhà một mình bằng taxi.

#### 4.2.2. Trường hợp đánh dấu

Trong số 16 trường hợp được đánh dấu, có đến 14 trường hợp được đánh dấu bằng phó từ “*đã*”, “*đã ... rồi*” hoặc “*chưa?*” đối với câu nghi vấn (Bảng 4). Chúng tôi nhận thấy phần lớn đây là những trường hợp mà việc nhấn mạnh ý nghĩa quá khứ hoặc thể hoàn thành của sự tình là cần thiết để đảm bảo người nghe tiếp nhận đúng các thông tin mà người nói muốn truyền đạt. Các câu thoại thường ngắn và ít khi cấu thành một chuỗi sự tình kết nối trong thời gian, nên người nói cần định vị sự tình về mặt thời-thể một cách rõ ràng hơn.

#### Bảng 4

Những phó từ thời-thể được sử dụng để đánh dấu các PC chỉ sự tình đơn lẻ

Phó từ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
đã, đã...rồi	14	87,5
chưa ... (ư?)	2	12,5
<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>100</b>

Chúng ta có thể chia thành hai trường hợp chính:

**Trường hợp “*đã*” để nhấn mạnh ý nghĩa thời quá khứ của sự tình** (ví dụ 21-23)

Đây là các sự tình cần phải được định vị một cách hiển ngôn là đã xảy ra trong quá khứ nhằm đảm bảo người nghe tiếp nhận một cách chính xác thông tin được nói.

(21) J'**ai** **joué** le 24 et j'**ai** gagné.

Tao **đã** **cược** số 24 và tao thắng.

(22) Les ouvriers m'**ont** **promis** que leur salle de classe sera parfaitement en état de les recevoir demain.

Các công nhân **đã** **hứa** với tôi rằng phòng học của các em sẽ hoàn toàn có thể học được vào ngày mai.

(23) Moi, j'**ai vu** comment on y joue dans un film de cow-boys.

Tao ấy à, tao cũng **đã xem** người ta chơi trò cò quay trong một vở kịch trên ti vi.

**Trường hợp (đã)... rồi để nhấn mạnh ý nghĩa kết quả của thể hoàn thành, tức hệ quả ở hiện tại của hành động (ví dụ 24, 25)**

Theo Do-Hurinville (2005, tr. 34), phó từ “rồi” có thể kết hợp với “đã” hoặc đôi khi thay thế cho “đã” trong câu, nhưng sự khác biệt nằm ở chỗ “đã” nhấn mạnh ý nghĩa hành động đã kết thúc, còn “rồi” nhấn mạnh ý nghĩa hệ quả hiện tại của sự tình.

(24) Qu'elle m'entende ! a crié Papa. Après la nuit que j'**ai passée** sur ce sofa de malheur, je...

Mặc cho bà ấy nghe! Bó hét lên. Cả đêm tôi **đã phải ngủ** trên cái ghế xô pha khi gió kia **rồi**, tôi...

(25) Et ne me casse pas les oreilles, j'**ai eu** une journée fatigante, aujourd'hui.

Và đừng có làm bó điếc tai nữa, cả ngày hôm nay bó **đã mệt** mỏi lắm **rồi**.

Trong các ví dụ trên, ta thấy “đã” hoàn toàn không thể thay thế cho “rồi”, vốn là thành tố bắt buộc để nhấn mạnh ý nghĩa kết quả ở hiện tại của sự tình đã kết thúc. Ở ví dụ (24), bố Nicolas đang than phiền với vợ về việc bà ngoại thằng bé ở trong nhà tắm cả tiếng đồng hồ trong khi mình đang vội đi làm, và đồng thời muốn nhấn mạnh việc mình đang rất khổ sở khi đã phải nằm ngủ ngoài xô pha để nhường phòng cho bà. Ở ví dụ (25), người bó không muốn Nicolas làm phiền mình nữa bằng việc hăm ý rằng lúc đó mình đang rất mệt.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy trong 16 trường hợp được đánh dấu, có đến 7 trường hợp phó từ “đã” trong câu không mang nhiều ý nghĩa. Cụ thể, trong ví dụ (26), sự tình “tặng” đã được định vị rất rõ ràng trong quá khứ nhờ vào trạng ngữ “hôm sinh nhật”. Trong ví dụ (27), ngữ cảnh hoàn toàn đủ rõ để người nói không cần định vị sự tình ở quá khứ (người bán thấy Nicolas cầm một tờ tiền lớn).

(26) Un papier avec des petits oiseaux dessus, que t'**a donné** tante Dorothee pour ton anniversaire?

Tờ giấy có mấy con chim nhỏ ở bên trên ấy, mà cô Dorothee **đã tặng** cho con vào hôm sinh nhật ấy?

(27) Où **as-tu trouvé** ça, mon petit garçon?

Cậu **đã lấy** được cái này ở đâu hả cậu nhỏ?

#### 4.3. PC chỉ trải nghiệm trong ngữ liệu tiếng Pháp

PC chỉ trải nghiệm có tần suất xuất hiện rất ít trong 8 chương đầu của tác phẩm, với 3 lần xuất hiện. Mở rộng tìm kiếm trên toàn bộ tác phẩm gốc, chúng tôi cũng chỉ thu thập thêm được 3 trường hợp nữa. Khảo sát trên tổng số 6 trường hợp trên, chúng tôi xác định ba trường hợp sau:

- Trường hợp trong câu có trạng từ chỉ tần suất (souvent) hoặc trạng từ phủ định (ne...jamais).

(28) Elle **ne l'a jamais**, jamais **félicité**.

(29) Et puis je **n'ai jamais eu** cinquante tablettes à la fois.

(30) Je **vous ai souvent vus** courir étourdimement dans les rues.

Trường hợp này ý nghĩa trải nghiệm được biểu thị một cách hiển ngôn bằng một trạng từ chỉ tần suất. Ta thấy nếu không có những trạng từ trên, ý nghĩa trải nghiệm sẽ biến mất hoặc không còn được đảm bảo, và thay vào đó, ta sẽ hiểu đây là PC điển đạt sự tình đơn lẻ.

- Trường hợp câu có trạng từ “*déjà*” chỉ kinh nghiệm.

(31) Je **suis déjà venu** seul à l'école.

Đối với thì PC, cần phân biệt ý nghĩa trải nghiệm của *déjà* với ý nghĩa sự tình đơn lẻ (emploi occurrence-factuel) của trạng từ này (Apothéloz & Nowakowska, 2013, tr. 359-363). Theo đó, “*déjà*” chỉ mang ý nghĩa trải nghiệm khi câu trả lời phủ định cho mệnh đề đó có chứa “*ne...jamais*”, chứ không phải là “*ne ... pas encore*”. Đối với ví dụ (31), ta thấy câu phủ định của mệnh đề này là *Je ne suis jamais venu seul à l'école* (tao chưa từng đi tới trường một mình).

- Trường hợp ý nghĩa trải nghiệm trong câu tiếng Pháp không được thể hiện một cách hiển ngôn bằng các phương tiện từ vựng, và phải được hiểu dựa vào ý nghĩa của phát ngôn.

(32) Mais, où est-ce que tu **as joué** à la roulette, toi ?

(33) C'est plus dangereux de sauver quelqu'un qui se noie, comme je l'**ai fait** pendant les dernières vacances !

Ý nghĩa trải nghiệm trong các câu này thường phải được hiểu dựa vào ý nghĩa của sự tình được diễn đạt. Chẳng hạn trong ví dụ (32), mặc dù câu hỏi có nghi vấn từ “*où*” (ở đâu ?) nhấn mạnh ý nghĩa tự sự, tuy nhiên, xét về mặt ngữ dụng, câu này hoàn toàn tương đương với “*Mais, est-ce que tu as déjà joué à la roulette, toi ?*” hoặc là “*T'est-il déjà arrivé de jouer à la roulette, toi ?*” (với “*déjà*” mang ý nghĩa trải nghiệm). Trong câu (33), mặc dù có trạng từ “*pendant les dernières vacances*” (trong những kì nghỉ hè vừa qua) chỉ một khoảng thời gian cụ thể trong quá khứ, nhưng điều này không làm mất đi giá trị trải nghiệm của câu, Apothéloz (2010, tr. 107-108) gọi đây là quãng xác thực (intervalle de validation) của sự tình trải nghiệm.

Sau khi đã miêu tả các PC trải nghiệm thu thập được trong ngữ liệu gốc, ta hãy đối chiếu với bản dịch tiếng Việt.

#### 4.3.1. Trường hợp không đánh dấu

Trong trường hợp này, sự tình không được đánh dấu bằng phó từ thời-thể, tuy nhiên, trạng từ chỉ tần suất trong tiếng Pháp luôn được dịch sang tiếng Việt cũng bằng một cụm từ chỉ tần suất, thường là một trạng từ (*thường xuyên*). Ví dụ:

(29') Cô **thường xuyên** nhìn thấy các em chạy bạt mạng trên đường phố.

#### 4.3.2. Trường hợp đánh dấu

Trong bản dịch tiếng Việt, các PC mang ý nghĩa trải nghiệm này được đánh dấu bằng phó từ thời-thể “(đã) ... *từng*” trong câu kể để biểu thị một “kinh nghiệm đã trải qua” (Vũ Thị Ngân, 2002, tr. 22), “*chưa (bao giờ)*” trong câu phủ định hoặc “(đã) *từng* ... *chưa?*” đối với câu nghi vấn. Hoàng Khê (2003, tr. 1079) giải thích rằng phó từ “*từng*” đặc biệt thích hợp để đánh dấu các sự tình xảy ra một quá khứ không xác định. Ngoài ra, ta cũng thấy rằng phó từ “*đã*” đứng một mình cũng có thể biểu thị ý nghĩa trải nghiệm như ví dụ (32').

(27') Thì cô cũng **chưa bao giờ** chúc mừng nó cả.

(28') Và tôi **chưa bao giờ** có 50 thanh cùng một lúc.

(30') Tao **đã từng** đến trường một mình rồi.

(31') Này, mày **đã từng** chơi cò quay ở đâu chưa hả?

(32') Cứu một người chết đuối, như tao **đã** làm trong mấy kỳ nghỉ hè vừa xong, còn nguy hiểm hơn nhiều!

#### 4.4. PC chỉ kết quả trong ngữ liệu tiếng Pháp

Trong 8 chương đầu tiên của tác phẩm, chúng tôi thu được 14 trường hợp PC chỉ kết

quả. Mở rộng phạm vi tìm kiếm trên toàn bộ tác phẩm, chúng tôi thu thập thêm được 9 trường hợp nữa. Các trường hợp này hầu hết đều có đặc điểm chung là biểu thị cùng lúc hai mốc thời gian quá khứ và hiện tại, ta có thể thấy trong các ví dụ sau đều có sự xuất hiện cùng lúc của thì PC và Présent trong cùng một câu: *t'as vu/j'ai* (34); *regarde/tu t'es mis* (35). Còn trong câu (36), mốc thời gian hiện tại được ngầm hiểu qua thời điểm phát ngôn: sự tình *grandir* (lớn lên) không dùng để xác thực việc cháu mình đã có hay không “lớn lên”, mà được dùng để đề cập đến việc khi gặp lại cháu mình lần này, bà đã thấy cháu lớn hơn so với lúc trước.

- (34) T'**as** **vu** ce que j'ai ?  
Mày biết tao có gì không?
- (35) Regarde-moi dans quel état tu t'**es mis**.  
Hãy nhìn xem người ngợm con ra sao!
- (36) Comme tu **as grandi**, mon lapin !  
Con thỏ nhỏ của bà lớn quá đi mất!

#### 4.4.1. Trường hợp không đánh dấu

So sánh với bản dịch, chúng tôi thống kê được 16/23 trường hợp không được đánh dấu bằng phó từ thời-thể, chiếm 69,6%. Đây là những sự tình không được đánh dấu bằng phó từ thời-thể mà dịch giả đã sử dụng một cách nói ám chỉ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hệ quả của sự tình ở hiện tại. Ở ví dụ (37), dịch giả đã chọn một cấu trúc với tính từ “lớn” để chỉ hệ quả của sự tình “đã lớn lên” (*as grandi*). Còn ở câu (38), người dịch đã chọn chuyển ngữ sự tình “đã hiểu” (*ai compris*) bằng một động từ vô kết “biết”, vốn là kết quả của sự tình đó. Còn ở câu (39), với liên từ “depuis” (từ khi) nhấn mạnh ý nghĩa kết quả hiện tại “đang ở đây” của sự tình “đã đến”, khiến cho việc sử dụng phó từ “đã” hoàn toàn không phù hợp. Cụ thể, tiếng Việt không nói: “tôi đã thấy rõ là từ khi bà **đã** đến...”

- (37) Salut, tête de pioche ! [...]. T'**as** encore **grandi** !  
Ê, đầu bò đầu bươu kia! [...]. Em **Ø lớn** ghê chưa kia!
- (38) J'**ai compris** cette fine allusion.  
Em **Ø biết** anh ám chỉ thì hay lắm.
- (39) J'ai bien vu que depuis qu'elle **est arrivée**...  
Tôi đã thấy rõ là từ khi bà **Ø đến**...

#### 4.4.2. Trường hợp sự tình được đánh dấu

Có 7 sự tình khi dịch sang tiếng Việt được đánh dấu bằng các phó từ thời-thể. Đây là các sự tình mà người nói cần nhấn mạnh ý nghĩa kết quả của sự tình và việc sử dụng một phó từ để đánh dấu là bắt buộc. Các phó từ thời-thể được sử dụng là “đã ... rồi” hoặc “rồi” dùng để biểu thị thể hoàn thành (*aspect accompli*) của sự tình và có mối liên hệ mật thiết với thời điểm phát ngôn, như trong các ví dụ 40, 42, 43, 44, 45. Trong ví dụ 41, người dịch đã dùng phó từ “vẫn còn” để diễn đạt một trạng thái ở hiện tại.

- (40) T'**as** pas le droit, tu l'**as perdue**  
Mày không có quyền, mày **đã thua rồi**
- (41) Tu sais, j'ai des surprises pour toi dans ma grosse valise, que j'**ai laissée** à la consigne !  
Cháu biết không, bà có hàng đồng thứ sẽ khiến cháu ngạc nhiên ở trong cái va li to tướng mà bà **vẫn còn để** ở chỗ giữ hành lý kia...
- (42) Eh bien [...] il **est allé** te chercher à la gare, le pauvre !  
À [...] thực ra thì anh ấy lại **đi** ra ga đón mẹ **rồi**, khổ thế chứ.

- (43) J'**ai bien vu** [...].  
Tôi **đã thấy** rõ [...] **rồi**.
- (44) Tu **as réussi** à faire de la peine à Maman.  
Con **đã khiến** mẹ khổ sở lắm **rồi** đấy.
- (45) Inutile d'essayer de le cacher, je vous **ai vus** ! Eh bien ? J'attends !  
Có giấu cũng vô ích, tôi **đã** nhìn thấy **rồi**! Sao thế? Tôi vẫn đợi đây.
- (46) Votre merveilleux cadeau qui m'a fait tant plaisir... Ah ! non... On **a déjà mis** plaisir... Tu effaces plaisir...  
Món quà tuyệt vời của ông **đã** khiến cháu rất vui... A! không được...Mình **đã viết** vui **rồi** mà... Con xóa vui đi...

Cần phải nói thêm rằng ý nghĩa “kết quả” của PC chỉ kết quả mà chúng tôi đang đề cập ở đây khác với ý nghĩa “kết quả” của các PC chỉ sự tình đơn lẻ mà chúng tôi nói đến trong các ví dụ 24 và 25. Theo chúng tôi, khi chuyển ngữ sang tiếng Việt, ta luôn luôn có thể dùng một số phó-từ, đặc biệt là “rồi” để nhấn mạnh ý nghĩa kết quả của một sự tình được chia ở PC. Nguyên nhân là do PC về mặt ngôn ngữ là một thì lưỡng tính về mặt thời-thể. Tuy nhiên, sự khác biệt nằm ở chỗ nếu xét về mặt ngữ dụng thì ý nghĩa kết quả của PC chỉ sự tình đơn lẻ nhằm phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin, hoặc đưa ra dẫn chứng để biện luận cho một quan điểm nào đó, còn ý nghĩa kết quả của PC thì gói gọn trong phạm vi mối quan hệ nguyên nhân - kết quả.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích tìm hiểu cách chuyển dịch ý nghĩa của thì PC trong tiếng Pháp sang tiếng Việt trên ngữ liệu là một truyện ngắn. Nghiên cứu đã giúp làm sáng tỏ nhiều điều, thông qua đó, trả lời hai câu hỏi nghiên cứu mà chúng tôi đã đề ra ở phần đầu.

Trong một truyện ngắn với thì PC là chủ đạo, ta có thể phân loại các PC theo lý thuyết của Apothéloz, với tỷ lệ phân bố của các loại PC không đồng đều nhau, nhưng lại phản ánh đúng đặc điểm diễn ngôn của thể loại văn bản này. Các loại PC này gồm: PC tự sự, PC chỉ sự tình đơn lẻ, PC chỉ trải nghiệm, PC chỉ kết quả.

Đại đa số các PC được sử dụng để thuật lại chuỗi sự tình giúp cho câu chuyện phát triển trong thời gian, các PC tự sự này thường xuất hiện theo chuỗi sự tình và trong câu kể của người kể chuyện (narrateur) để kể lại những tình tiết chính của câu chuyện. Bên cạnh đó, các PC chỉ sự tình đơn lẻ xuất hiện với tần suất tương đối ít hơn, đa phần xuất hiện trong câu thoại của các nhân vật nhằm cung cấp một thông tin mang tính thời sự hoặc đưa ra một lập luận. Hai loại PC còn lại xuất hiện với tần suất thấp. Ý nghĩa trải nghiệm của PC có thể được diễn đạt một cách hiển ngôn bằng các trạng từ chỉ tần suất: *jamais, souvent, toujours*... hoặc phải được xác định bằng ngữ cảnh. PC chỉ kết quả hầu như chỉ xuất hiện trong câu hội thoại và dùng để diễn đạt ý nghĩa kết quả ở hiện tại của sự tình đã diễn ra trước đó.

## Bảng 5

Tổng hợp kết quả phân tích giữa ngữ liệu gốc và bản dịch

Loại PC	Đánh dấu (%)	Không đánh dấu (%)
PC tự sự	9,9	90,1
PC chỉ sự tình đơn lẻ	27,6	72,4
PC chỉ trải nghiệm	75,0	25,0
PC chỉ kết quả	30,4	69,6

Việc so sánh với bản dịch tiếng Việt trước hết đã giúp chúng tôi một lần nữa khẳng định

tiếng Việt ưu tiên phương thức không đánh dấu trong diễn đạt thời-thể và chỉ đánh dấu ý nghĩa thời-thể của sự tình khi thật sự cần thiết (Bảng 5). Số liệu thống kê trong bản dịch tiếng Việt cho thấy tỷ lệ các sự tình không đánh dấu chiếm thể đa số ở 3/4 loại PC được khảo sát với tỷ lệ rất cao (>69%). Nếu như đối với loại PC tự sự, việc đánh dấu các sự tình thường không mang ý nghĩa thông tin thì đối với các loại PC còn lại, việc đánh dấu bằng một phó từ thường nhằm cung cấp một ý nghĩa thông tin rõ ràng hơn về mặt thời-thể cho sự tình.

Cụ thể, phân tích cho thấy phần lớn các PC tự sự được dịch sang tiếng Việt dưới dạng không đánh dấu, trước hết, là do tính chất của diễn ngôn tự sự đã cho thấy rõ trật tự xảy ra của các sự tình. Những sự tình được kể được quy ước như là đã xảy ra trong quá khứ. Đối với các PC tự sự được đánh dấu trong bản dịch, có 2 trường hợp. Một là, các sự tình này được dịch giả chuyển ngữ với một góc nhìn về thể mới so với nguyên tác. Trong trường hợp này các phó từ được sử dụng thường là các phó từ diễn đạt thể hoàn thành hoặc không hoàn thành (*đang, vẫn còn, rồi, vẫn...*). Hai là, các PC tự sự được đánh dấu bằng phó từ “*đã*”, tuy nhiên, việc này hầu như không mang nhiều ý nghĩa thời-thể, chỉ có tác dụng giúp cho câu văn bớt đơn điệu và nhằm chán. Đối với các PC chỉ sự tình đơn lẻ, đa số các sự tình cũng được chuyển ngữ dưới dạng không đánh dấu. Đây là những trường hợp mà ngữ cảnh giao tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về thời-thể của sự tình. Với các trường hợp bắt buộc phải đánh dấu, ta thường sử dụng các phó từ “*đã*” để đánh dấu thời quá khứ hoặc “*(đã)...rồi*” nhấn mạnh ý nghĩa hệ quả của sự tình khi cần thiết. Riêng trường hợp PC chỉ trải nghiệm thường được đánh dấu, có thể bằng một trạng ngữ chỉ tần suất hoặc bằng các phó từ diễn đạt ý nghĩa quá khứ xa, thường là *(đã)...từng*. Cũng cần lưu ý thêm là số lượng PC chỉ trải nghiệm thu thập được trong ngữ liệu gốc còn hạn chế, chưa cho phép đưa ra các kết luận mang tính phổ quát hơn. Đối với các PC chỉ kết quả, trong các trường hợp không đánh dấu, những PC này được chuyển ngữ bằng một cách nói ám chỉ trực tiếp đến kết quả của hành động ở thời hiện tại. Trong các trường hợp đánh dấu, gần như trong tất cả các trường hợp đều sử dụng phó từ “*(đã)... rồi*” để đánh dấu ý nghĩa kết quả ở hiện tại.

Việc nghiên cứu cách dịch ý nghĩa của thì PC trong tiếng Pháp sang tiếng Việt trong một tác phẩm truyện ngắn mang nhiều ý nghĩa thiết thực. Công trình đã góp phần miêu tả cấu trúc diễn ngôn của một thể loại văn học, đồng thời cũng có đóng góp về mặt dịch thuật khi đã chỉ ra những vấn đề cần quan tâm trong chuyển ngữ các ý nghĩa thời-thể từ một ngôn ngữ có thì động từ sang một ngôn ngữ không có thì như tiếng Việt. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng cho thấy việc dạy và học cách sử dụng các thì động từ nói chung và thì PC trong tiếng Pháp nói riêng trong trường lớp cần được đặt vào một bối cảnh diễn ngôn rộng hơn là chỉ dừng lại ở việc minh họa các công dụng của thì động từ qua một vài ví dụ câu đơn lẻ.

### Tài liệu tham khảo

- Apothéloz, D. (2021, March). *Les temps verbaux* (Verbal tenses). Encyclopédie grammaticale du français (Grammatical encyclopedia of French). Retrieved April 8, 2026, from [http://www.encyclogram.fr/notx/044/044\\_Notice.php](http://www.encyclogram.fr/notx/044/044_Notice.php)
- Apothéloz, D. (2016). Sémantique du passé composé en français moderne et exploration des rapports passé composé / passé simple dans un corpus de moyen français (Semantics of the passé composé in modern French and exploration of the relationship between passé composé / passé simple in a Middle French corpus). *Cahiers Chronos (Chronos Journals)*, 28, 199-246. <https://hal.science/hal-01132723/document>
- Apothéloz, D., & Nowakowska, M. (2013). « Déjà » et le sens des énoncés (« Déjà » and the meaning of utterances). *Cahiers Chronos (Chronos Journals)*, 26, 355-386. <https://hal.science/hal-00867800v1>
- Apothéloz, D., & Nowakowska, M. (2010). La résultativité et la valeur du parfait en français et en polonais (Resultativity and the value of the perfect in French and Polish). *Cahiers Chronos (Chronos Journals)*, 21, 1-23. <https://hal.science/hal-00870181v1/document>

- Barceló, G.-J., & Bres, J. (2006). *Les temps de l'indicatif en français (The indicative tenses in French)*. Ophrys.
- Cao, X. H. (1998). Về ý nghĩa “thì” và “thể” trong tiếng Việt (On temporal and aspectual meanings in Vietnamese). *Ngôn ngữ (Language)*, 5, 1-32.
- Do-Hurinville, D. T. (2005). L'absence de marqueur (zéro) et la présence de marqueurs (đã, rồi, chưa, đang, vừa, sắp, sẽ) en vietnamien (Zero marking and the use of markers (đã, rồi, chưa, đang, vừa, sắp, sẽ) in Vietnamese). *Bulletin d'Arch'Asie (Arch'Asia Bulletin)*, 1(2), 24-44. <https://cdn.angcordatabase.asia/libs/docs/tranet-pb-dialectes-archasie-2005.pdf>
- Do-Hurinville, D. T. (2009). *Temps, aspect et modalités en vietnamien: Étude contrastive avec le français (Tense, aspect, and modality in Vietnamese: A contrastive study with French)*. L'Harmattan.
- Do-Hurinville, D. T., & Dao, H. L. (2020). Traduction vietnamienne des passés composés dans L'Étranger de Camus (Vietnamese translation of the passé composé in Camus's L'Étranger). In E. Corre, D. T. Do-Hurinville, D. H. Linh (Eds.), *L'Étranger de Camus et ses traductions: Questions de temps, d'aspect, de modalité et d'évidentialité (TAME). Étude empirique (The Expression of Tense, Aspect, Modality and Evidentiality in Albert Camus's L'Étranger and Its Translations: An empirical study)* (pp. 245–266). John Benjamins. <https://doi.org/10.1075/lis.35.13doh>
- Gosciny, R., & Sempé, J.-J. (1997). *Le Petit Nicolas a des ennuis (Nicolas in trouble)*. Gallimard Jeunesse. (Original work published in 1964).
- Gosciny, R., & Sempé, J.-J. (2022). *Nhóc Nicolas phiền muộn (Nicolas in trouble)* (Trac Phong, Trans.). Nhà xuất bản Hội Nhà Văn (Writers' Association Publishing House). (Original work published in 1964).
- Gosselin, L. (1996). *Sémantique de la temporalité en français: Un modèle calculatoire et cognitif du temps et de l'aspect (Semantics of temporality in French: A computational and cognitive model of tense and aspect)*. Duculot.
- Hoang, P. (2003). *Từ điển tiếng Việt (Vietnamese Dictionary)*. Nhà xuất bản Đà Nẵng (Danang Editions).
- Labov, W. (1972). *Language in the inner city: Studies in the Black English vernacular*. University of Pennsylvania Press.
- Nguyen, M. T. (1995). Các tiền phó từ chỉ thời-thể trong tiếng Việt (Vietnamese tense-aspect preverbs). *Ngôn ngữ (Language)*, 2, 1-10.
- Nguyen, V. T. (1992). Hệ thống các từ chỉ thời-thể và phạm trù ngữ pháp của các cấu trúc thời-thể của động từ tiếng Việt (The system of tense-aspect markers and the grammatical categories of tense-aspect structures of Vietnamese verbs). *Ngôn ngữ (Language)*, 2, 52-57.
- Novakova, I. (2001). *Sémantique du futur: Étude comparée français-bulgare (Semantics of the future: A comparative French-Bulgarian study)*. L'Harmattan.
- Phan, T., & Duffield, N. (2018). To be tensed or not to be tensed? The case of Vietnamese. *Investigationes Linguisticae (Linguistic Investigations)*, 40, 105-125. <https://doi.org/10.14746/il.2018.41.8>
- Somé, K. P. (2019). *Comprendre les temps du français. Une approche instructionnelle (Understanding French tenses: An instructional approach)*. Michel Houdiard Éditeur (Michel Houdiard Editions).
- Tran, K. P. (2008). *Ngữ pháp tiếng Việt. Những vấn đề về thời, thể (Vietnamese grammar: Issues of tense and aspect)*. Giáo dục (Education).
- Tran, T. C. T. (2016). Biểu hiện thời gian và thời trong tiếng Việt (Expressions of time and tense in Vietnamese). *Ngôn ngữ (Language)*, 7, 18-36.
- Vinay, J.-P., & Darbelnet, J. (1958). *Stylistique comparée du français et de l'anglais. Méthode de traduction (Comparative Stylistics of French and English: A Methodology for Translation)*. Didier.
- Vu, T. N. (2002). Về hoạt động và các giá trị ngữ nghĩa học của trạng từ déjà trong tiếng Pháp (On the functions and semantic values of the adverb déjà in French). *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Ngoại ngữ (VNU Journal of Science: Foreign Studies)*, 18(1), 21-29. <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/3235>
- Vu, T. N. (2007). Một vài gợi ý về cách chuyển dịch ý nghĩa của thời quá khứ kép tiếng Pháp sang tiếng Việt (Some suggestions on how to translate the meaning of the French passé composé into Vietnamese). *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Ngoại ngữ (VNU Journal of Science: Foreign Studies)*, 23(4), 223-228. <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/3145>